TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày 16-7-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Vạn.

2. Ông Lương Trường Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Đặng Hiền M; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Khắc S; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Y; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Võ Đặng Hiền M trình bày:

Cửa hàng T do chị M làm chủ hộ kinh doanh, có địa chỉ tại số Y, đường Tôn Đức T, phường N, thành phố Gia Nghĩa, chuyên kinh doanh mặt hàng thạch cao, vật liệu xây dựng, đồ điện, trang trí nội thất, ván ép ... được Phòng tài chính kế hoạch thành phố Gia Nghĩa cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 30/6/2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/7/2019.

Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến tháng 10/2020 anh Vũ Khắc S có đến cửa hàng T để mua nợ các mặt hàng nói trên, thống nhất đối chiếu chốt nợ theo đợt. Ngày 28/10/2020 anh Sáu chốt tổng nợ với số tiền là 430.292.000đ, hẹn trả

trước ngày 30/12/2020. Tuy nhiên đến nay anh S vẫn chưa trả mặc dù chị M đã đòi nhiều lần. Nay chị M khởi kiện yêu cầu anh S phải thanh toán số tiền mua nợ hàng hóa là 430.292.000đ và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Chị M không yêu cầu chị Nguyễn Thị Y phải có nghĩa vụ trả số tiền 430.292.000đ vì chị Y không thỏa thuận mua bán, cũng không trực tiếp ký chốt nợ số tiền trên với cửa hàng T.

Bị đơn anh Vũ Khắc S trình bày:

Anh S thừa nhận có mua nợ Cửa hàng T do chị M làm chủ các mặt hàng như trần thả, tấm lợp thạch cao và vật liệu xây dựng. Thừa nhận ngày 28/10/2020 có viết và ký giấy xác nhận công nợ số tiền 430.292.000đ, hẹn ngày 30/12/2020 sẽ trả nhưng đến nay anh vẫn chưa trả. Chị M khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền 430.292.000đ, anh đồng ý. Chị M yêu cầu anh trả lãi đối với số tiền trên, anh không đồng ý vì khi ký giấy xác nhận nợ chị M không yêu cầu trả lãi do chậm trả. Anh S xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Y chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 nhưng chưa đăng ký kết hôn và có 01 con chung, chị Y không thực hiện việc mua bán với cửa hàng T, cũng không ký chốt nợ số tiền 430.292.000đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đồng ý thanh toán số tiền 430.292.000đ, không đồng ý trả lãi do chậm thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 468, 430, 433 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán tiền mua nợ hàng hóa theo giấy xác nhận công nợ ký ngày 28/10/2020. Bị đơn đang sinh sống thường xuyên, ổn định tại thôn N, xã Đ, thành phố Gia Nghĩa từ năm 2018 đến nay nhưng không đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú. Tuy nhiên, có căn cứ xác định đây là tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng được thực hiện tại thành phố Gia Nghĩa và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu TAND thành phố Gia Nghĩa nơi hợp đồng được thực hiện để giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 430.292.000đ và lãi chậm trả:

[2.1.1] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Khắc S thừa nhận có mua nợ các loại hàng hóa gồm trần thả, tấm lợp thạch cao và vật liệu xây dựng tại cửa hàng T do chị Võ Đặng Hiền M làm chủ hộ kinh doanh, việc mua bán do anh S trực tiếp thực hiện và trực tiếp nhận hàng tại cửa hàng T. Anh S thừa nhận ngày 28/10/2020 có viết và ký giấy xác nhận nợ cửa hàng T số tiền 430.292.000đ, hẹn thanh toán trước ngày 30/12/2020 nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1.Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

[2.1.2] Đối chiếu quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tính từ ngày 31/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/7/2021. Lãi đối với số tiền chậm trả được xác định như sau:

Từ ngày 31/12/2020 đến ngày 16/7/2021 là (06 tháng 16 ngày) = [430.292.000đ x 0,83%/01 tháng x 06 tháng] + [430.292.000đ x 0,027%/01 ngày x 16 ngày] = 23.286.000đ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 430, Điều 433, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Đặng Hiền M.

Buộc anh Vũ Khắc S phải thanh toán cho chị Võ Đặng Hiền M tổng số tiền 453.578.000đ. Trong đó, tiền mua hàng hóa còn nợ là 430.292.000đ, tiền lãi đối với số tiền chậm trả là 23.286.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Vũ Khắc S phải chịu 22.143.000đ tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Võ Đặng Hiền M số tiền 10.820.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002485 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm